

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

IV. THỦ TỤC TẶNG GIẤY KHEN CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP HUYỆN VỀ THÀNH TÍCH ĐỘT XUẤT

1. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

[illegible]

3.1	Phí								0	0	
3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
		Hoạt động 1							0	0	
		Hoạt động n							0	0	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	32.386	0	0	1	5	32386	161.930	
		Bưu điện									
		Internet									
		Khác									
TỔNG									360.246	1.801.230	

2. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢNH HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thành phần HS 1: Tờ trình đề nghị khen thưởng;	Soạn thảo văn bản	1	32.386	0	0	1	5	33.386	166.930	
		Duyệt văn bản	0,5	32.386	0	0	1	5	16.193	80.965	
		Ban hành văn bản	0,5	32.386	0	0	1	5	16.193	80.965	
1.2	Thành phần HS 2: Danh sách đề nghị khen thưởng kèm nội dung tóm tắt thành tích của các tập thể được đề xuất	Lập danh sách	1	32.386	0	0	1	5	33.386	166.930	
1.3	Thành phần HS 3: Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng	Tổ chức họp	2	32.386	0	0	1	5	64.772	323.860	
		Lập biên bản cuộc họp	2	32.386	0	0	1	5	65.772	328.860	

2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	32.386	0	0	1	5	32.386	161.930	
		Bưu điện							0	0	
		Internet							0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0	
3.1	Phí								0	0	
3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
		Hoạt động 1							0	0	
		Hoạt động n							0	0	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	32.386	0	0	1	5	32.386	161.930	
		Bưu điện									
		Internet									
		Khác									
TỔNG									294.474	1.472.370	

3. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí hiện tại

1.801.230

Chi phí sau đơn giản hóa

1.472.370

Chi phí tiết kiệm được

328.860

Tỷ lệ chi phí cắt giảm

18,25752403

